



Match No.: 8

Match Statistics

경기 통계

Match Duration: 1h 01m
Spectators: 1000

P3

CHN vs HKG


3 0

Teams	Sets	1	2	3	Total
CHN	3	25	25	25	75
HKG	0	10	12	7	29
Playing Time		17m	19m	19m	55m


First Referee: CHUNG Ching Ju (TPE)

Second Referee: TANO Toshihiko (JPN)


CHN - China

Scoring Spike

Limit
15.00%

Rk	No	Name	Spikes	Faults	Shots	Total Attempts	Eff %
1	9	LI Jing	6	-	4	10	60.00
2	8	ZHANG Changning	11	4	5	20	35.00
	10	ZHANG Xiaoya	7	1	1	9	
	6	YAN Ni	4	-	2	6	
	3	YIN Na	2	-	3	5	
	11	LIU Yanhan	3	2	-	5	
	1	QIAO Ting	1	-	2	3	
	13	WANG Qi	1	-	1	2	
	5	DING Xia	-	-	1	1	
	2	YAO di	-	-	-	-	
	4	WANG Qian	-	-	-	-	
	12	HUANG Liuyan	-	-	-	-	
Team Totals			35	7	19	61	45.90

Scoring Block


Rk	No	Name	Kill Blocks	Faults	Rebounds	Total Attempts	Avg by Set
1	8	ZHANG Changning	3	2	2	7	1.00
1	6	YAN Ni	3	-	1	4	1.00
3	9	LI Jing	2	-	3	5	0.67
4	10	ZHANG Xiaoya	1	1	6	8	0.33
4	13	WANG Qi	1	1	-	2	0.33
4	2	YAO di	1	-	-	1	0.33
7	3	YIN Na	-	-	3	3	0.00
7	5	DING Xia	-	1	2	3	0.00
7	1	QIAO Ting	-	-	2	2	0.00
7	11	LIU Yanhan	-	1	1	2	0.00
	4	WANG Qian	-	-	-	-	
	12	HUANG Liuyan	-	-	-	-	
Team Totals			11	6	20	37	3.67

Scoring Service


Rk	No	Name	Aces	Faults	Serve Hits	Total Attempts	Avg by Set
1	8	ZHANG Changning	4	2	11	17	1.33
1	11	LIU Yanhan	4	1	7	12	1.33
3	3	YIN Na	3	-	12	15	1.00
4	5	DING Xia	1	1	5	7	0.33
4	1	QIAO Ting	1	-	5	6	0.33
4	2	YAO di	1	-	-	1	0.33
7	6	YAN Ni	-	1	8	9	0.00
7	10	ZHANG Xiaoya	-	-	4	4	0.00
7	9	LI Jing	-	-	1	1	0.00
7	13	WANG Qi	-	1	-	1	0.00
	4	WANG Qian	-	-	-	-	
	12	HUANG Liuyan	-	-	-	-	
Team Totals			14	6	53	73	4.67

Team

Opponent Errors & Team Faults	15
-------------------------------	----

Timing and Results provided by Tissot



Match No.: 8

Match Statistics

경기 통계

Match Duration: 1h 01m
Spectators: 1000

P3

CHN vs HKG


3 0


Teams	Sets	1	2	3	Total
CHN	3	25	25	25	75
HKG	0	10	12	7	29
Playing Time		17m	19m	19m	55m


First Referee: CHUNG Ching Ju (TPE)

Second Referee: TANO Toshihiko (JPN)

CHN - China

Non-Scoring Dig	Rk	No	Name	Digs	Faults	Receptions	Total Attempts	Avg by Set
	1	11	LIU Yanhan	1	3	6	10	0.33
	1	12	HUANG Liuyan	1	-	4	5	0.33
	3	13	WANG Qi	-	1	5	6	0.00
	3	5	DING Xia	-	1	4	5	0.00
	3	10	ZHANG Xiaoya	-	1	4	5	0.00
	3	3	YIN Na	-	-	4	4	0.00
	3	9	LI Jing	-	-	4	4	0.00
	3	4	WANG Qian	-	-	3	3	0.00
	3	8	ZHANG Changning	-	-	3	3	0.00
	3	6	YAN Ni	-	-	2	2	0.00
	3	1	QIAO Ting	-	-	1	1	0.00
		2	YAO di	-	-	-	-	
	Team Totals			2	6	40	48	0.67

Non-Scoring Set	Rk	No	Name	Running Sets	Faults	Still Sets	Total Attempts	Avg by Set
	1	5	DING Xia	22	1	12	35	7.33
	2	2	YAO di	10	-	8	18	3.33
	3	3	YIN Na	1	-	1	2	0.33
	3	8	ZHANG Changning	1	-	1	2	0.33
	3	4	WANG Qian	1	-	-	1	0.33
	6	12	HUANG Liuyan	-	-	2	2	0.00
	6	6	YAN Ni	-	-	1	1	0.00
	6	9	LI Jing	-	-	1	1	0.00
		1	QIAO Ting	-	-	-	-	
		10	ZHANG Xiaoya	-	-	-	-	
		11	LIU Yanhan	-	-	-	-	
		13	WANG Qi	-	-	-	-	
	Team Totals			35	1	26	62	11.67

Non-Scoring Reception	Rk	No	Name	Excellents	Faults	Serve Receptions	Total Attempts	Succ %
	1	3	YIN Na	7	-	2	9	77.78
	2	4	WANG Qian	4	-	4	8	50.00
		8	ZHANG Changning	2	-	1	3	
		12	HUANG Liuyan	1	-	1	2	
		13	WANG Qi	-	-	2	2	
		9	LI Jing	1	1	-	2	
		1	QIAO Ting	-	-	-	-	
		2	YAO di	-	-	-	-	
		5	DING Xia	-	-	-	-	
		6	YAN Ni	-	-	-	-	
		10	ZHANG Xiaoya	-	-	-	-	
		11	LIU Yanhan	-	-	-	-	
	Team Totals			15	1	10	26	57.69
Limit								
25.00%								



Match No.: 8

Match Statistics

경기 통계

Match Duration: 1h 01m
Spectators: 1000

P3

CHN vs HKG


3 0


Teams	Sets	1	2	3	Total
CHN	3	25	25	25	75
HKG	0	10	12	7	29
Playing Time		17m	19m	19m	55m


First Referee: CHUNG Ching Ju (TPE)

Second Referee: TANO Toshihiko (JPN)

HKG - Hong Kong, China

Scoring Spike	Rk	No	Name	Spikes	Faults	Shots	Total Attempts	Eff %
		7	YEUNG Sau Mei	5	5	8	18	
		12	LAW Ho Fung Thyllis	-	6	10	16	
		4	FONG Sze Man	-	2	6	8	
		1	LAM Mei	3	2	2	7	
		18	IP Hoi Lun Helen	2	1	3	6	
		9	LO Ka Yan	-	3	3	6	
		14	LAM Yee Ting	2	1	2	5	
		5	TSANG Sze Nga	1	-	3	4	
		8	KOO Yung Yung	-	-	3	3	
		11	LEE Pui Shan	1	-	1	2	
		10	FUNG Tsz Yan	-	1	-	1	
		16	TSUI Ka Yee	-	-	-	-	
	Team Totals			14	21	41	76	
Limit								
15.00%								

Scoring Block	Rk	No	Name	Kill Blocks	Faults	Rebounds	Total Attempts	Avg by Set
	1	18	IP Hoi Lun Helen	1	2	1	4	0.33
	1	7	YEUNG Sau Mei	1	-	-	1	0.33
	3	8	KOO Yung Yung	-	1	2	3	0.00
	3	4	FONG Sze Man	-	-	1	1	0.00
	3	11	LEE Pui Shan	-	-	1	1	0.00
	3	12	LAW Ho Fung Thyllis	-	-	1	1	0.00
	3	5	TSANG Sze Nga	-	1	-	1	0.00
	3	9	LO Ka Yan	-	1	-	1	0.00
		1	LAM Mei	-	-	-	-	
		10	FUNG Tsz Yan	-	-	-	-	
		14	LAM Yee Ting	-	-	-	-	
		16	TSUI Ka Yee	-	-	-	-	
	Team Totals			2	5	6	13	0.67

Scoring Service	Rk	No	Name	Aces	Faults	Serve Hits	Total Attempts	Avg by Set
	1	9	LO Ka Yan	1	-	2	3	0.33
	2	1	LAM Mei	-	2	5	7	0.00
	2	5	TSANG Sze Nga	-	-	5	5	0.00
	2	7	YEUNG Sau Mei	-	1	4	5	0.00
	2	14	LAM Yee Ting	-	-	4	4	0.00
	2	12	LAW Ho Fung Thyllis	-	1	2	3	0.00
	2	18	IP Hoi Lun Helen	-	-	2	2	0.00
	2	8	KOO Yung Yung	-	-	1	1	0.00
	2	10	FUNG Tsz Yan	-	-	1	1	0.00
		4	FONG Sze Man	-	-	-	-	
		11	LEE Pui Shan	-	-	-	-	
		16	TSUI Ka Yee	-	-	-	-	
	Team Totals			1	4	26	31	0.33

Team	Opponent Errors & Team Faults	12
------	-------------------------------	----

Timing and Results provided by Tissot



Match No.: 8

Match Statistics

경기 통계

Match Duration: 1h 01m
Spectators: 1000

P3

CHN vs HKG


3 0


Teams	Sets	1	2	3	Total
CHN	3	25	25	25	75
HKG	0	10	12	7	29
Playing Time		17m	19m	19m	55m


First Referee: CHUNG Ching Ju (TPE)

Second Referee: TANO Toshihiko (JPN)

HKG - Hong Kong, China

Non-Scoring Dig	Rk	No	Name	Digs	Faults	Receptions	Total Attempts	Avg by Set
	1	11	LEE Pui Shan	1	1	4	6	0.33
	1	10	FUNG Tsz Yan	1	2	3	6	0.33
	1	9	LO Ka Yan	1	-	4	5	0.33
	4	16	TSUI Ka Yee	-	4	7	11	0.00
	4	1	LAM Mei	-	2	5	7	0.00
	4	7	YEUNG Sau Mei	-	3	3	6	0.00
	4	12	LAW Ho Fung Thyllis	-	3	1	4	0.00
	4	18	IP Hoi Lun Helen	-	-	3	3	0.00
	4	14	LAM Yee Ting	-	2	1	3	0.00
	4	5	TSANG Sze Nga	-	1	-	1	0.00
	4	8	FONG Sze Man	-	-	-	-	-
	8		KOO Yung Yung	-	-	-	-	-
	Team Totals			3	18	31	52	1.00

Non-Scoring Set	Rk	No	Name	Running Sets	Faults	Still Sets	Total Attempts	Avg by Set
	1	14	LAM Yee Ting	9	-	31	40	3.00
	2	16	TSUI Ka Yee	1	-	11	12	0.33
	2	10	FUNG Tsz Yan	1	1	10	12	0.33
	2	18	IP Hoi Lun Helen	1	-	-	1	0.33
	5	9	LO Ka Yan	-	-	2	2	0.00
	5	12	LAW Ho Fung Thyllis	-	-	2	2	0.00
	5	4	FONG Sze Man	-	-	1	1	0.00
	5	7	YEUNG Sau Mei	-	-	1	1	0.00
	5	8	KOO Yung Yung	-	-	1	1	0.00
	5	11	LEE Pui Shan	-	-	1	1	0.00
	1		LAM Mei	-	-	-	-	-
	5		TSANG Sze Nga	-	-	-	-	-
	Team Totals			12	1	60	73	4.00

Non-Scoring Reception	Rk	No	Name	Excellents	Faults	Serve Receptions	Total Attempts	Succ %
	1	16	TSUI Ka Yee	5	4	10	19	26.32
	2	1	LAM Mei	4	1	11	16	25.00
	3	7	YEUNG Sau Mei	2	2	5	9	22.22
	4	12	LAW Ho Fung Thyllis	1	4	3	8	12.50
	5	11	LEE Pui Shan	1	2	6	9	11.11
	9		LO Ka Yan	1	1	1	3	-
	4		FONG Sze Man	1	-	1	2	-
	5		TSANG Sze Nga	-	-	-	-	-
	8		KOO Yung Yung	-	-	-	-	-
	10		FUNG Tsz Yan	-	-	-	-	-
	14		LAM Yee Ting	-	-	-	-	-
	18		IP Hoi Lun Helen	-	-	-	-	-
	Team Totals			15	14	37	66	22.73

LEGEND	Avg	Eff%	Rk	Succ%
	Average	Efficiency	Rank	Success %

Timing and Results provided by Tissot